TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 01 - 2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Bé N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh Đ có mặt, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Phan Thị Bé N kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

chị N không quan tâm lo lắng cho chồng con, thường xuyên bỏ nhà đi và có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nay anh nhận thấy tình cảm giữa anh với chị N không còn, mâu thuẫn đã đến trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Khánh B sinh ngày 25/9/2009 và Nguyễn Khánh D sinh ngày 26/11/2011, hiện cháu Khánh B do anh Đ đang nuôi dưỡng, cháu Khánh D do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khánh B, giao cháu Khánh D cho chị N nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định hiện tại vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ: Anh Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị Phan Thị Bé N, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Phan Thị Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ với chị N chung sống với nhau năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ với chị Phan Thị Bé N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị N không quan tâm lo lắng cho chồng con, thường xuyên bỏ nhà đi và có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, năm 2016 Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của anh nhưng anh đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ nhưng vợ chồng vẫn không chung sống lại được. Tại phiên tòa, anh Đ xác định không còn tình cảm với chị N và không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị N; đối với chị Phan Thị Bé N, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh Đ, nhưng chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Đ, điều này cho thấy chị N đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa.

Từ các căn cứ trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ với chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ cho anh Đ được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phan Thị Bé N có 02 người con tên Nguyễn Khánh B sinh ngày 25/9/2009 và Nguyễn Khánh D sinh ngày 26/11/2011, hiện cháu Khánh B đang sống cùng với anh Đ, cháu Khánh D đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn đối với anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh B, giao cháu Nguyễn Khánh D cho chị N nuôi dưỡng; đối với chị N không ý gì về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ly hôn cả cha lẫn mẹ đều phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chưa thành niên, việc anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và giao cháu D cho chị N nuôi dưỡng không trái pháp luật, việc anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khánh B cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu B cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu D cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con anh Đ không đặt ra, chị N không ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; đối với chị N không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Anh Đ xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với chị N không có ý kiến gì về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phan Thị Bé N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh B sinh ngày 25/9/2009 cho anh Nguyễn Văn Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu

Nguyễn Khánh D sinh ngày 26/11/2011 cho chị Phan Thị Bé N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu B và D đều tròn 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Đ, chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Đ đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009191 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng